

MARKET LENS

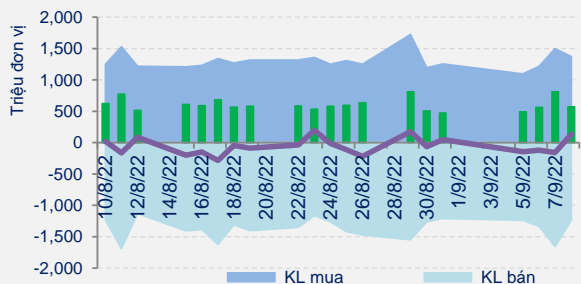
Phiên giao dịch ngày:

8/9/2022

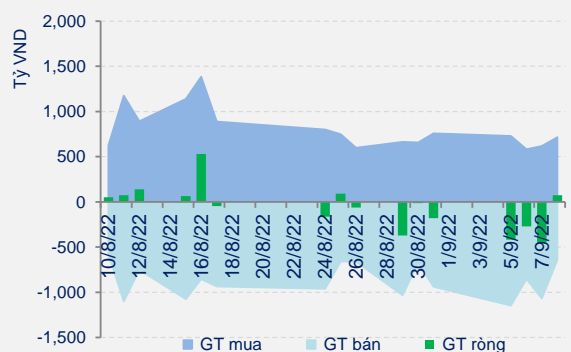
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,234.60	282.15
% Thay đổi	↓ -0.69%	↓ -0.67%
KLGD (CP)	566,727,824	80,567,740
GTGD (tỷ đồng)	14,396.38	1,486.59
Tổng cung (CP)	1,238,474,600	113,173,200
Tổng cầu (CP)	1,370,511,800	121,020,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	19,968,400	59,421
KL mua (CP)	20,648,500	195,000
GT mua (tỷ đồng)	717.35	3.31
GT bán (tỷ đồng)	642.43	1.53
GT ròng (tỷ đồng)	74.92	1.78

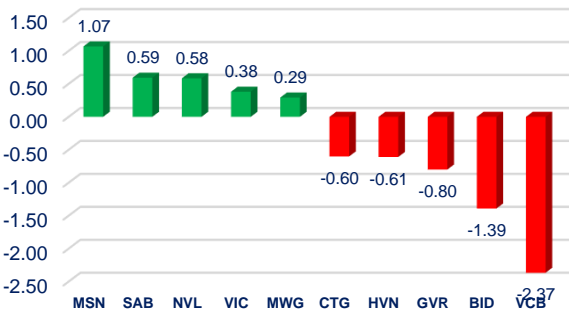
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, chứng khoán Mỹ có sự hồi phục khá tốt trong phiên đêm qua và điều này phần nào đó đã hỗ trợ được cho tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VN-Index mở cửa trong sắc xanh nhưng áp lực bán sau đó dần gia tăng khiến chỉ số này dần điều chỉnh xuống sắc đỏ. Và áp lực bán tiếp tục gia tăng trong phiên ATC khiến thị trường kết phiên ở mức thấp nhất.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 8,57 điểm (-0,69%) xuống 1.234,6 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE nghiêng về tiêu cực với 151 mã tăng (5 mã tăng trần), 70 mã tham chiếu, 317 mã giảm (5 mã giảm sàn). HNX-Index giảm 1,9 điểm (-0,67%) xuống 282,15 điểm, độ rộng thị trường là tiêu cực với 115 mã giảm (6 mã giảm sàn), 49 mã tham chiếu, 73 mã tăng (7 mã tăng trần).

Phần lớn các nhóm cổ phiếu đều giảm theo thị trường chung trong phiên hôm nay như ngân hàng với VPB (-1,3%), STB (-1,8%), SHB (-4,4%), MBB (-0,9%), CTG (-1,8%)...; bất động sản với DIG (-4,1%), HAG (-3,6%), KBC (-4,9%), DXG (-1%)...; chứng khoán với SSI (-2,2%), VCI (-3,2%), SHS (-2,4%), VIX (-1,6%), FTS (-5,3%), MBS (-3,8%)...; thép với NKG (-3,3%), HSG (-3,3%)...

Hiếm hoi mới có các cổ phiếu thuộc các nhóm giảm kể trên đóng cửa trong sắc xanh và đi ngược thị trường như ngân hàng có EIB (+1%), bất động sản có NVL (+1,4%), IDC (+0,2%), VHM (+0,2%), chứng khoán có HCM (+0,6%), thép có HPG (+0,4%), VGS (+1,1%).

Tuy vậy, nhưng cũng có một số ít nhóm ngành đi ngược được với xu hướng chung của thị trường. Có thể kể đến nhóm bán lẻ với các cổ phiếu như MWG (+1,1%), FRT (+1,4%), DGW (+2,4%), PNJ (+1,4%), PET (+3%)... và nhóm hóa chất với các mã như DCM (+3,1%), DPM (+1,6%), DGC (+2,7%)...

Khối ngoại quay trở lại mua ròng trên HOSE sau bảy phiên liên tiếp bán ròng với giá trị mua ròng đạt 74,35 tỷ đồng. Mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất là HPG với 99,8 tỷ đồng tương ứng với 4,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DGC với 45,7 tỷ đồng tương ứng với 474,8 nghìn cổ phiếu và NLG với 25,6 tỷ đồng tương ứng với 641,1 cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SSI là mã chứng khoán bị bán ròng mạnh nhất với 35,2 tỷ đồng tương ứng với 1,57 triệu cổ phiếu.

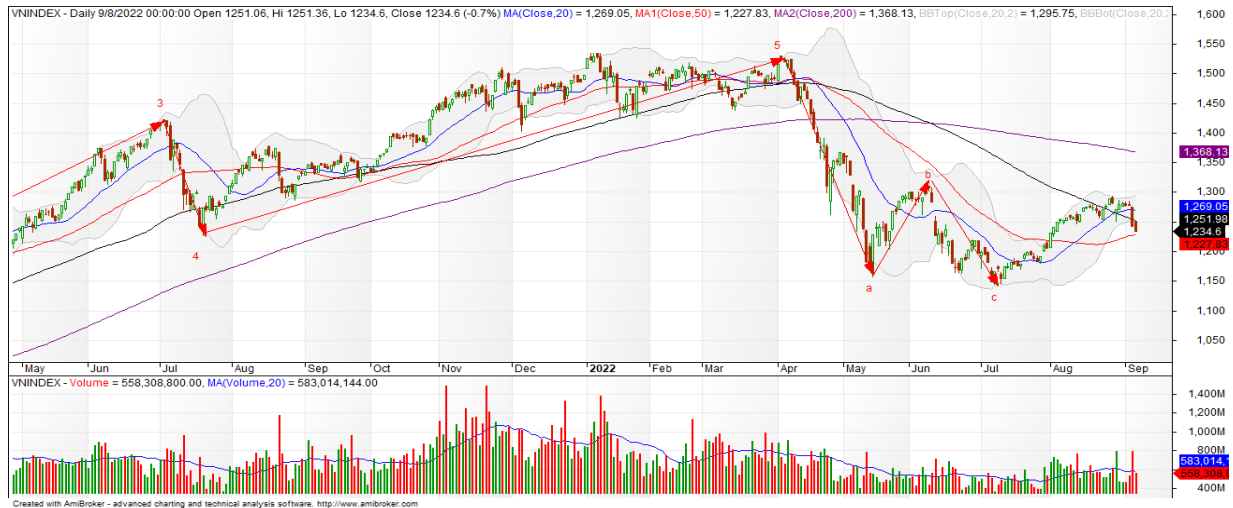
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ 1,47 cho đến 15,57 điểm, cho thấy các trader vẫn nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục giảm nhưng với dự địa ít hơn trước.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **8/9/2022**

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-INDEX có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp với diễn biến có phần kịch tính nhất là về cuối phiên giao dịch khi áp lực bán trong phiên ATC gia tăng khiến chỉ số này kết phiên ở mức thấp nhất. Mức giảm trong phiên hôm nay là không mạnh (<1%), đồng thời thanh khoản trong phiên hôm nay lại suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh và thị trường có lẽ đang dần tìm được điểm cân bằng.

Trên góc độ ngắn hạn, sau phiên giảm thứ hai liên tiếp, VN-INDEX tiếp tục kết phiên dưới ngưỡng MA20 ngày và MA100 ngày lần lượt quanh 1.270 điểm và 1.250 điểm. Nhưng chỉ số này vẫn duy trì trên ngưỡng hỗ trợ MA50 ngày quanh 1.230 điểm. Điều này khiến cho tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn vẫn đang trong trạng thái tiêu cực và VN-INDEX có thể tiếp tục điều chỉnh trong phiên tiếp theo để hướng về ngưỡng hỗ trợ tiếp theo quanh 1.230 điểm (MA50 ngày). Tuy nhiên, trong kịch bản tích cực, nếu cầu giá thấp là đủ tốt có thể giúp cho chỉ số này hồi phục để hướng đến ngưỡng 1.250 điểm (MA100 ngày).

Trên góc độ dài hạn hơn, chúng tôi đánh giá đỉnh của sóng hồi phục b trước đó trong khoảng 1.285-1.315 điểm được tạo thành vào đầu tháng 6/2022 vẫn sẽ là vùng kháng cự mạnh của thị trường. Do đó, xu hướng chủ đạo của thị trường là biến động giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ 1.140-1.300 điểm cho đến hết năm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX kết phiên ở mức 1.234,60 điểm, tiếp tục giảm điểm khi phục hồi với khối lượng thấp trong phiên. Như vậy ngắn hạn VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về quanh vùng hỗ trợ 1.225 điểm tương ứng đường trung bình MA50 ngày hiện nay và vùng giá thấp nhất tháng 07/2021. Hỗ trợ mạnh tiếp theo của VN-INDEX là vùng 1.200 -1.211 tương ứng hỗ trợ tâm lý và là đỉnh giá cao nhất năm 2018. Trong khi vùng 1.260 giá thấp của gapdown ngày 13/06/2022 trở thành kháng cự mạnh ngắn hạn.

VN-INDEX có thể kỳ vọng phục hồi trở lại trên vùng hỗ trợ quan trọng 1.200-1.225. Đây cũng là vùng hỗ trợ của trend_line nối các vùng đáy trung hạn cao dần từ vùng 1.000-1030 thấp nhất năm 2021 và vùng 1.140-1.156 thấp nhất tháng 05, 07 năm 2022.

Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình 5 năm gần nhất, trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì. Tuy nhiên rủi ro ngắn hạn đang ở mức cao, nhất là sau khi áp dụng chu kỳ T+2, các vị thế lướt sóng giao dịch T2 không mang lại nhiều lợi nhuận đã dẫn đến áp lực bán mạnh.

Ngắn hạn áp lực chốt lỗ đối với vị thế mua lướt sóng T2 tiếp tục gia tăng ở nhiều mã. Vì vậy, nhà đầu tư nên duy trì tỉ trọng hợp lý, các vị thế đầu cơ ngắn hạn, nên ưu tiên quản trị rủi ro. Cơ cấu loại bỏ các mã yếu kém hơn so với thị trường chung khi thị trường hồi phục. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu của chúng tôi để có quyết định phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/9/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
QNS	46.74	46-48.5	62-64	42	13.2	8.7%	1.3%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 47+-
DCM	36.90	34-35	44-45	31	4.9	72.8%	246.7%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 34+-
BWE	48.30	48-50	60-62	45	11.9	9.4%	19.5%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 49+-

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	22.60	18.60	25-26	23	21.51%	Bán, cơ cấu
27/06/2022	TCD	13.45	10.15	14.5-15.5	13	32.51%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	60.20	57.45	76-78	58	4.79%	8.9.2022, GDKHQ cổ tức tỷ lệ 10:1
04/07/2022	VCG	22.00	18.20	24-26	21	20.88%	Nắm giữ
04/07/2022	MBB	22.80	20.25	25-26	22	12.59%	Nắm giữ
11/07/2022	SSI	22.05	20.00	27-28	22.5	10.25%	Bán, cơ cấu
12/07/2022	ASM	15.15	13.45	16.5-17	14.2	12.64%	Nắm giữ
14/07/2022	GVR	25.00	22.60	28-30	24	10.62%	Nắm giữ
02/08/2022	PTB	63.30	61.50	75-77	63	2.93%	Nắm giữ
03/08/2022	HSG	20.80	18.20	22-23	19	14.29%	Nắm giữ
11/08/2022	GAS	111.80	112.00	130-132	109	-0.18%	Nắm giữ
16/08/2022	DPR	71.70	72.40	88-90	72	-0.97%	Nắm giữ
25/08/2022	PVT	21.25	21.80	26-28	20.5	-2.52%	Nắm giữ
29/08/2022	PVS	25.10	27.10	32-34	25	-7.38%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

IMF giải mã việc nâng dự báo tăng trưởng Việt Nam lên 7%, cao nhất nhóm ASEAN-6

Theo đó, mới đây, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm nay, tăng 1 điểm % so với dự báo được đưa ra ba tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng đáng kể duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm ASEAN-6.

Chuẩn bị khởi công nhiều dự án giao thông lớn

Tin từ Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông (Bộ Giao thông vận tải), trong quý III/2022, Bộ Giao thông vận tải dự kiến khởi công 6 dự án và hoàn thành 2 dự án.

Chuyên gia quốc tế chỉ ra yếu tố sẽ giúp thu nhập thực tế từ thương mại của Việt Nam tăng thêm 5% vào 2035

Báo cáo mới nhất của HSBC chỉ ra rằng, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) có thể sẽ mang lại cú hích năng suất lớn nhất cho các nền kinh tế như Thái Lan, Việt Nam và Malaysia.

Phó Thủ tướng: Xem xét giảm thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu

Phó Thủ tướng yêu cầu xem xét các phương án giảm thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nhóm mặt hàng xăng dầu trong trường hợp giá thế giới...

Dự kiến 'rót' gần 1.400 tỷ cho cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn trong năm 2022

Ban Quản lý dự án 2 (Bộ GTVT) cho biết, trên cơ sở cân đối nguồn vốn năm 2022 đã bố trí, Bộ GTVT dự kiến phân khai vốn năm 2022 cho Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn là 1.388 tỷ đồng.

Vải sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được gần 50% nhu cầu

Hiện nay, vải sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được gần 50% nhu cầu, khiến mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu hơn 10 tỷ USD vải các loại.

Cước vận tải biển giảm 60% từ đầu năm 2022

Cước vận tải biển với các tuyến đường chính đã giảm mạnh ngay cả trong mùa cao điểm của ngành.

Đề xuất xem xét tiếp tục giảm thuế xăng dầu; đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu

Các bộ, ngành, địa phương cần chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu. Cần phải đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước, không để xảy ra gián đoạn nguồn cung. Đồng thời, xem xét giảm thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nhóm mặt hàng xăng dầu trong trường hợp giá thế giới tiếp tục tăng cao.



TIN DOANH NGHIỆP

Sumitomo muốn mở rộng các nhà máy sản xuất cáp điện ô tô tại Việt Nam

Sumitomo đang sở hữu hai nhà máy sản xuất dây cáp điện ô tô tại tỉnh Hải Dương với quy mô 7,2ha, tổng vốn đầu tư 1.340 tỉ đồng.

Chuyện ở Gojek Việt Nam: 4 năm, 3 CEO và khoản lỗ lũy kế hơn 4.000 tỷ đồng

Với sự hậu thuẫn về cả tài chính và công nghệ từ công ty mẹ ở Indonesia, Gojek được đánh giá là đối thủ có khả năng cạnh tranh cao nhất với Grab tại Việt Nam.

Công ty con của Tân Hoàng Minh bị cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan

Từ ngày 8-9, một công ty thuộc Tập đoàn Tân Hoàng Minh bị cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vì nợ thuế.

HoSE lưu ý khả năng hủy niêm yết cổ phiếu của Vietnam Airlines

Lý do được phía HoSE đưa ra là lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là -5.167 tỷ đồng; số lỗ lũy kế đơn vị này là hơn 28.904 tỷ đồng khiến vốn chủ sở hữu âm 4.897 tỷ đồng. Lãnh đạo Vietnam Airlines đã đưa ra nhiều giải pháp để tránh việc bị hủy niêm yết.

UBCK chấp thuận phương án phát hành 74 triệu cổ phiếu của Saigontel

Doanh nghiệp triển khai phương án tăng vốn từ cuối năm 2021 nhưng phải đến nay mới được UBCK chấp thuận.

Nửa đầu năm 2022: Thế giới di động tuyển mới 8.000 nhân sự, FPT Retail tăng hơn 3.500 người

Các doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự mạnh nhất là các tên tuổi hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ. Ở chiều ngược lại, một số doanh nghiệp lớn cắt giảm hàng trăm nhân sự.

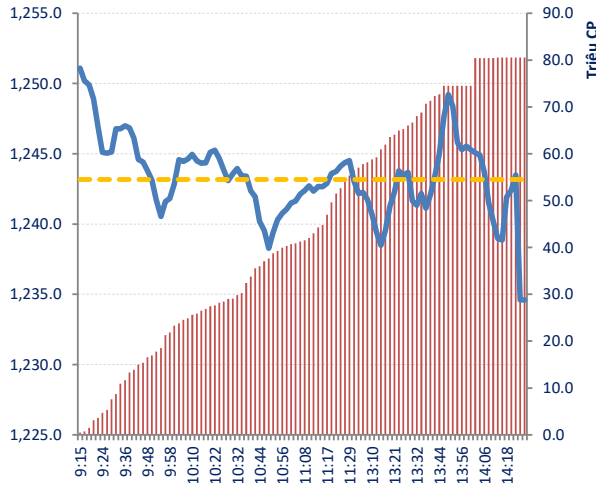
Công ty Văn Phú - Invest bị phạt 200 triệu đồng do vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành quyết định xử phạt Công ty cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest do có vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

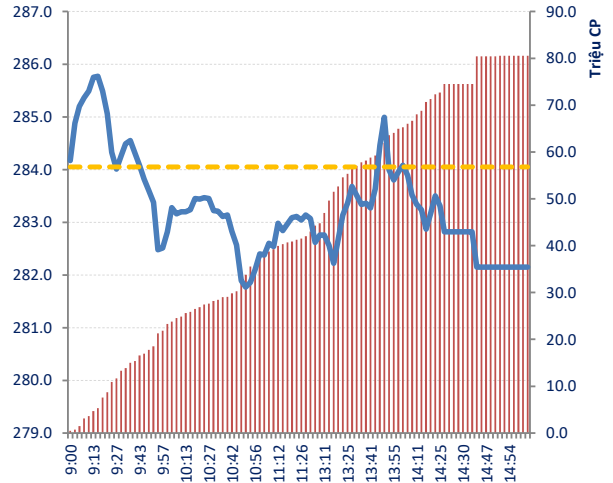


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

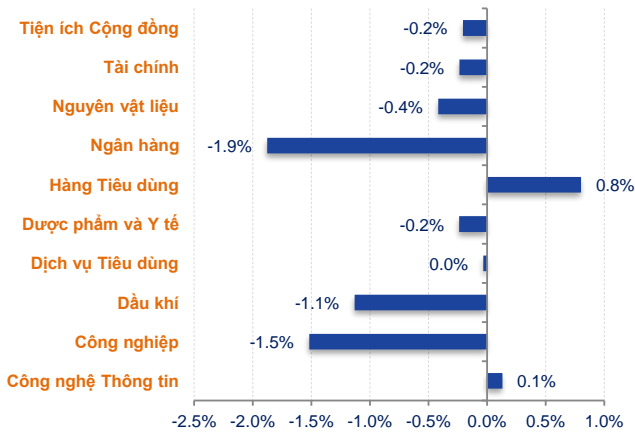
KLGD và VN-Index trong phiên



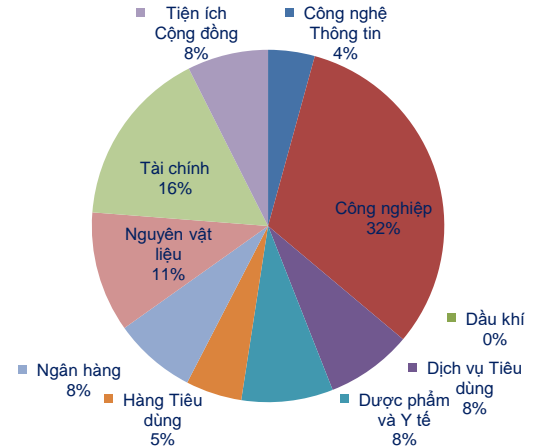
KLGD và HNX-Index trong phiên



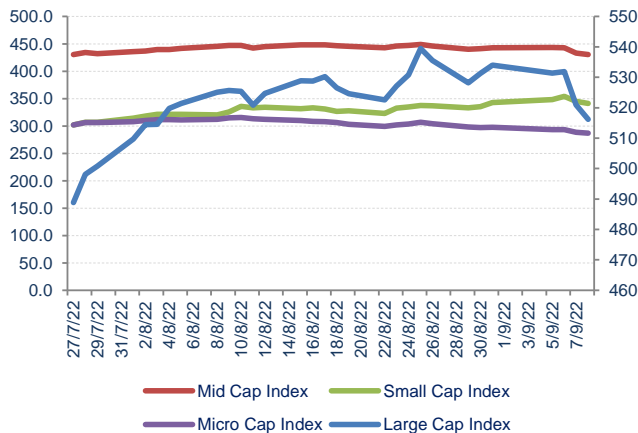
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



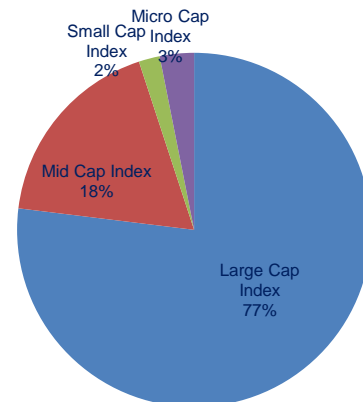
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,320,600	SSI	1,570,000
2	NLG	641,100	STB	1,250,800
3	VND	573,400	CTG	687,800
4	DGC	474,800	DRC	498,300
5	DXG	400,300	KBC	459,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DL1	59,600	KLF	6,000
2	ART	37,400	API	4,800
3	HMH	18,400	MBG	4,000
4	VCS	5,700	HUT	3,000
5	PVS	5,400	TIG	3,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	12.35	11.90	↓ -3.64%	25,852,800
HPG	23.00	23.10	↑ 0.43%	20,565,500
FLC	3.34	3.57	↑ 6.89%	18,416,200
POW	14.00	13.70	↓ -2.14%	18,270,900
SSI	22.55	22.05	↓ -2.22%	15,977,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	25.70	25.10	↓ -2.33%	11,934,169
SHS	12.40	12.10	↓ -2.42%	11,363,674
KLF	2.10	2.30	↑ 9.52%	5,444,960
CEO	30.00	29.70	↓ -1.00%	4,244,787
ART	3.70	4.00	↑ 8.11%	3,923,956

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	116.40	124.50	8.10	↑ 6.96%
FLC	3.34	3.57	0.23	↑ 6.89%
HAI	1.48	1.58	0.10	↑ 6.76%
HOT	28.55	30.45	1.90	↑ 6.65%
AMD	2.11	2.25	0.14	↑ 6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ADC	17.10	18.80	1.70	↑ 9.94%
TKC	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
QHD	40.60	44.60	4.00	↑ 9.85%
SDU	19.60	21.50	1.90	↑ 9.69%
KLF	2.10	2.30	0.20	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDC	52.00	48.40	-3.60	↓ -6.92%
AGM	26.00	24.20	-1.80	↓ -6.92%
TNC	67.00	62.40	-4.60	↓ -6.87%
HTN	33.80	31.50	-2.30	↓ -6.80%
FUCVREIT	8.10	7.55	-0.55	↓ -6.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	65.90	59.40	-6.50	↓ -9.86%
THS	30.70	27.70	-3.00	↓ -9.77%
PJC	26.70	24.10	-2.60	↓ -9.74%
EBS	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%
API	23.10	20.90	-2.20	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	25,852,800	14.6%	750	16.5	2.5
HPG	20,565,500	32.1%	5,164	4.5	1.3
FLC	18,416,200	-11.6%	(1,540)	-	0.3
POW	18,270,900	4.9%	668	21.0	1.0
SSI	15,977,000	13.0%	1,143	19.7	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,934,169	4.1%	1,106	23.2	1.0
SHS	11,363,674	25.5%	1,229	10.1	1.1
KLF	5,444,960	-0.8%	(82)	-	0.2
CEO	4,244,787	7.2%	969	31.0	2.2
ART	3,923,956	3.0%	350	10.6	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 7.0%	26.6%	10,511	11.1	2.9
FLC	↑ 6.9%	-11.6%	(1,540)	-	0.3
HAI	↑ 6.8%	-31.4%	(3,085)	-	0.1
HOT	↑ 6.7%	-36.3%	(2,415)	-	5.0
AMD	↑ 6.6%	-0.9%	(105)	-	0.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ADC	↑ 9.9%	15.9%	2,612	6.5	1.1
TKC	↑ 9.9%	1.0%	163	61.9	0.6
QHD	↑ 9.9%	14.2%	2,581	15.7	2.2
SDU	↑ 9.7%	0.9%	161	121.6	1.1
KLF	↑ 9.5%	-0.8%	(82)	-	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,320,600	32.1%	5,164	4.5	1.3
NLG	641,100	5.9%	2,067	19.1	1.2
VND	573,400	12.3%	377	53.1	1.7
DGC	474,800	68.7%	13,209	7.1	3.7
DXG	400,300	5.3%	1,218	20.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DL1	59,600	2.9%	332	18.1	0.5
ART	37,400	3.0%	350	10.6	0.3
HMH	18,400	4.6%	825	19.4	1.0
VCS	5,700	34.3%	10,584	7.0	2.4
PVS	5,400	4.1%	1,106	23.2	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	378,601	21.7%	5,271	15.2	3.1
VHM	259,085	21.9%	6,510	9.1	2.0
VIC	238,371	-0.3%	(121)	-	1.8
GAS	214,362	23.6%	6,738	16.6	3.5
BID	191,212	14.6%	2,569	14.7	2.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,870	6.6%	1,356	61.1	3.8
THD	19,425	13.1%	2,295	24.2	3.3
IDC	18,843	34.0%	5,604	10.2	2.9
NVB	13,809	-1.9%	(189)	-	3.2
BAB	13,340	7.9%	889	18.5	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.74	8.7%	772	24.4	1.5
QBS	2.70	0.4%	37	97.4	0.4
VIX	2.70	20.7%	778	15.7	0.9
CKG	2.69	18.2%	2,283	11.9	2.0
ABS	2.65	7.5%	865	13.9	1.0

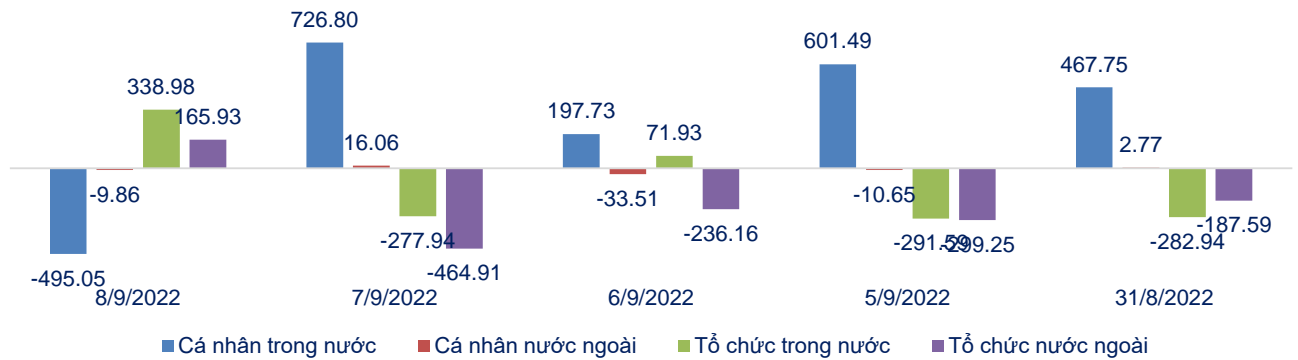
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TVC	2.82	0.1%	16	533.4	0.5
PVL	2.81	5.8%	291	20.3	1.2
BII	2.75	-2.9%	(318)	-	0.5
SDA	2.71	7.9%	741	17.7	1.3
APS	2.61	62.2%	9,839	1.6	1.2



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	25.83	13.0%	1,143	19.7	1.5
HSG	24.31	18.3%	4,212	5.1	0.9
STB	22.65	10.3%	1,902	12.8	1.3
VGC	20.59	23.0%	4,357	14.1	3.0
DRC	17.37	15.2%	2,278	13.3	2.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-133.76	32.1%	5,164	4.5	1.3
MSN	-47.23	27.1%	7,170	15.6	4.1
DGC	-47.08	68.7%	13,209	7.1	3.7
VPB	-36.07	19.6%	3,772	8.0	1.4
VIC	-34.36	-0.3%	(121)	-	1.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BCG	1.40	7.9%	1,927	8.3	0.6
HPG	1.18	32.1%	5,164	4.5	1.3
VHC	1.07	32.2%	11,246	7.8	2.2
HUB	0.77	10.5%	2,703	11.1	1.1
CSV	0.70	26.8%	7,308	6.3	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-3.24	68.7%	13,209	7.1	3.7
GEX	-1.98	3.5%	857	27.8	0.9
CII	-1.71	4.2%	1,430	15.4	0.7
VCB	-1.50	21.7%	5,271	15.2	3.1
HDC	-1.29	22.7%	3,181	16.3	3.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	36.07	19.6%	3,772	8.0	1.4
HPG	34.04	32.1%	5,164	4.5	1.3
VHM	31.03	21.9%	6,510	9.1	2.0
TCB	26.89	21.1%	5,766	6.5	1.3
FPT	26.82	22.3%	4,505	18.6	3.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

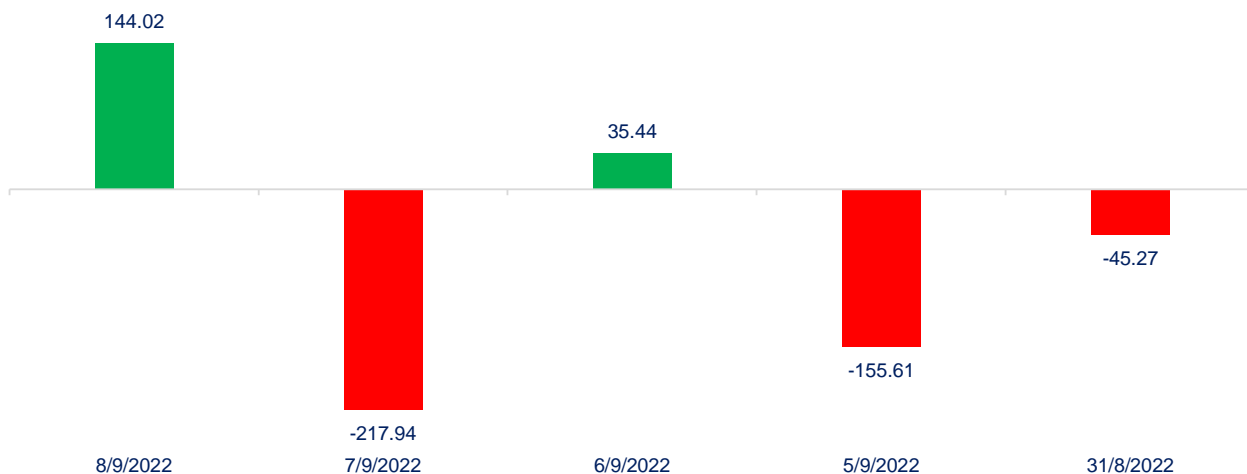
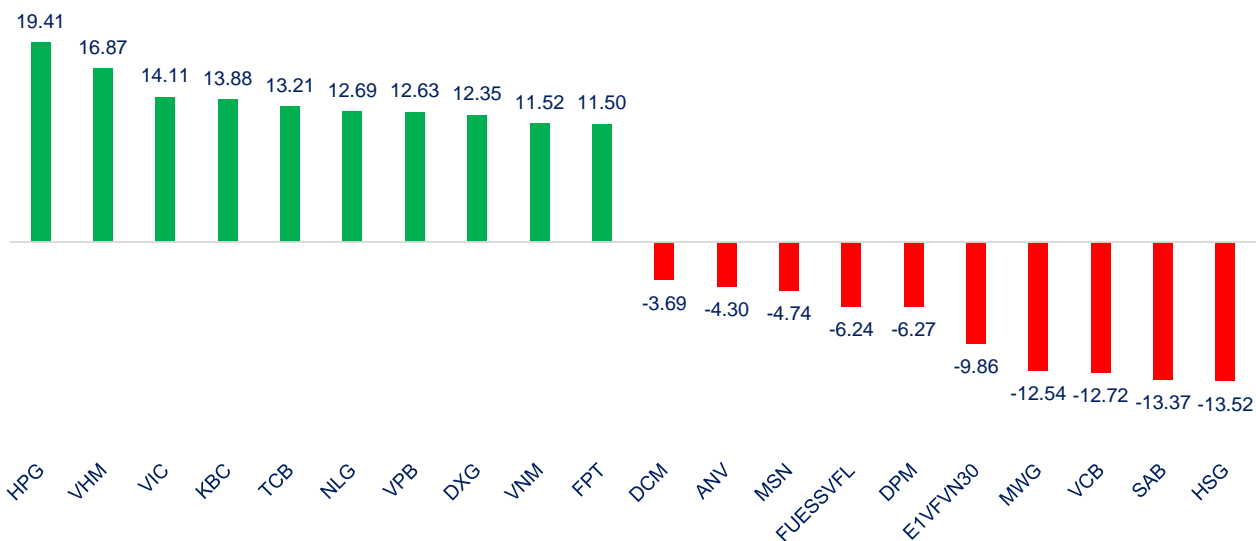
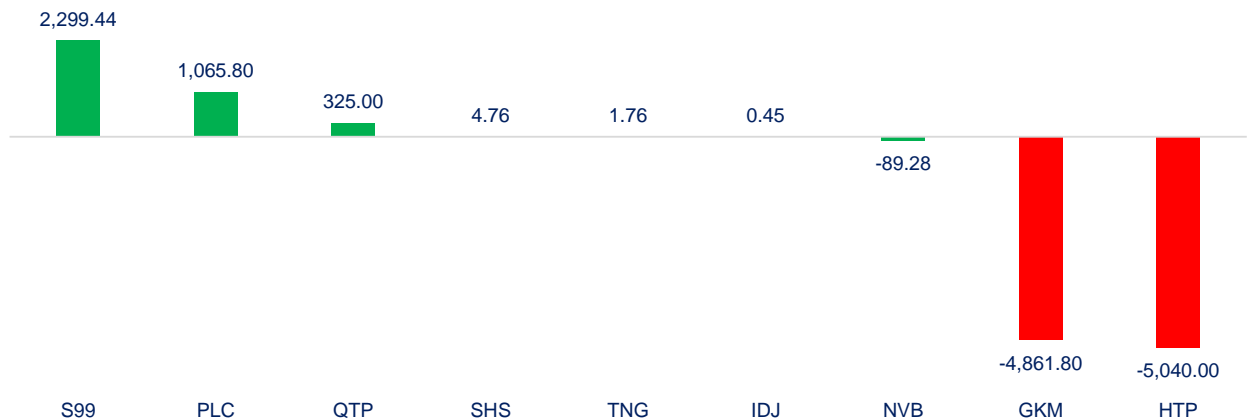
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	-25.81	23.0%	4,357	14.1	3.0
SAB	-18.80	19.9%	7,167	26.2	4.9
HSG	-18.05	18.3%	4,212	5.1	0.9
DPM	-16.71	49.9%	14,573	3.5	1.5
DCM	-15.79	48.2%	7,567	4.7	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	98.54	32.1%	5,164	4.5	1.3
DGC	49.13	68.7%	13,209	7.1	3.7
MSN	37.17	27.1%	7,170	15.6	4.1
VCB	29.26	21.7%	5,271	15.2	3.1
NLG	25.55	5.9%	2,067	19.1	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-35.37	13.0%	1,143	19.7	1.5
STB	-30.22	10.3%	1,902	12.8	1.3
CTG	-18.50	15.1%	3,057	8.9	1.3
DRC	-15.46	15.2%	2,278	13.3	2.1
VHM	-15.24	21.9%	6,510	9.1	2.0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)




Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn